

Số: 73/2022/QĐST - DS

C, ngày 26 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 636/2020/TLST - DS, ngày 07 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn Út L, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp S6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Võ Thị X, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp S6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hợp đồng hùn vốn: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 với ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X thống nhất hủy hợp đồng hùn vốn mua xe máy cuốn ngày 06 tháng 02 năm 2016 do hai bên xác lập; Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 tự nguyện giao ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X được quyền tiếp tục quản lý sử dụng xe máy cuốn đào bánh xích KOBELCO số khung 405R, TKHQ số 100742636260.

- Về số tiền phải trả: Ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X tự nguyện trả cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 số tiền 185.500.000đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 thống nhất nhận số tiền trên, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Về thời gian trả: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 với ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X tự nguyện thỏa thuận thời gian ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X trả số tiền 185.500.000đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí thẩm định và định giá: Là 950.000đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 với ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X tự nguyện thỏa thuận ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 nộp toàn bộ số tiền này, do đó ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X không phải nộp. Số tiền 950.000đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 đã nộp tạm ứng trước và đã chi phí xong do đó ông Đ và bà L1 không phải nộp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 4.637.500đồng (Bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 với ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X tự nguyện thỏa thuận ông Lê Văn Út L và bà Võ Thị X nộp toàn bộ số tiền này, do đó ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị L1 không phải nộp án phí sơ thẩm.

Đối với số tiền 10.560.000đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tại biên lai số AA/2020/0003736 ngày 07 tháng 10 năm 2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Tuyết Thanh**